

ĐÀI QUAN THỜI LÊ SƠ

ĐÀO TỐ UYÊN*
PHAN NGỌC HUYỀN**

Trong hệ thống các cơ quan thanh tra, giám sát thời Lê sơ, Ngự sử đài có vị trí đặc biệt quan trọng. Các quan lại ở Ngự sử đài (thường gọi tắt là Đài quan) (1) giữ vai trò rất lớn trong việc giúp vua giữ gìn pháp độ, chấn chỉnh kỷ cương triều đình. Bài viết này nhằm khảo sát số lượng biên chế, quyền hạn, chức trách và số phận của các Đài quan thời Lê sơ. Qua đó để thấy được những đóng góp cũng như hạn chế của họ trong tiến trình phát triển lịch sử thời kỳ này.

1. Tiêu chuẩn tuyển chọn và biên chế

Trong hàng ngũ các quan lại được phép bàn việc triều chính, các quan ở Ngự sử đài được xếp ở vị trí đầu. Tháng 11 năm 1487, vua Lê Thánh Tông đã nói rõ về quy định thứ tự các triều thần bàn việc như sau: *"Khi nào có sắc chỉ nhà vua truyền hỏi việc gì, thì trước hết các quan ở Lục Khoa và Ngự sử đài, thứ đến các quan trong Lục bộ, Lục tự, lại thứ nữa đến các quan được phong tước công, tước hầu, tước bá và đô đốc trong ngũ phủ. Các viên chức kể trên cứ theo thứ tự mà bàn luận, cốt làm thế nào cho lời bàn luận được rõ ràng, không ai được phụ họa theo đuôi ý nghĩa câu nói của*

người khác, hoặc ngậm miệng không bàn luận gì..." (2).

Với vị trí quan trọng như vậy, không phải cá nhân nào cũng dễ dàng trở thành Đài quan. Mặt khác, người làm quan ở Ngự sử đài thông thường phải trải qua việc tuyển chọn khá kỹ lưỡng với yêu cầu khá cao về tiêu chuẩn: không chỉ có học vấn, tài năng nổi bật, phẩm hạnh thanh liêm mà còn phải là người có bản lĩnh, cương trực. Trong đó, việc chọn lựa chức quan Ngự sử cốt yếu nhất là phải lấy được người ngay thẳng, không sợ quyền thế, không nể thân quen, dám bàn dám nói (3). Triều đình Lê sơ đã nhiều lần ban hành các quy định cụ thể về việc tuyển chọn chức quan ở Ngự sử đài từ khâu đề bạt đến khâu sát hạch sau bổ nhiệm. Ví dụ: tháng 3 năm 1497, vua Lê Hiến Tông đã ra sắc lệnh cho tuyển những tiến sĩ nào có thành tích về chính trị để bổ giữ chức ở Ngự sử đài, sắc lệnh nêu rõ: *"Từ nay, Cấp sự trung trong Lục khoa và Giám sát ngự sử, nếu có khuyết ngạch, thì bộ Lại chọn các quan trong kinh sư, ngoài các đạo người nào do tiến sĩ xuất thân mà là người liêm khiết, cần mẫn, cứng rắn, ngay thẳng, có thành tích về chính trị, thì cất nhắc lựa bổ. Người ấy giữ chức đủ một năm sẽ do Đ*

* PGS.TS. Khoa Lịch sử - Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

** Th.S. Khoa Lịch sử - Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

ngự sử đài xét nghiệm về sự trạng đã làm, rồi tâu bày đầy đủ. Nếu xét ra người nào có thể dùng được sẽ cho giữ chức như cũ, người nào không thể dùng được sẽ đổi sang giữ chức khác” (4).

Đài quan thời Lê sơ trải qua các giai đoạn khác nhau, có sự thay đổi về chức danh và phẩm trật. Đầu thời Lê sơ, tổ chức bộ máy nhà nước và quan chế về cơ bản vẫn giống như thời Trần - Hồ nên chức quan Ngự sử đài cũng được đặt như dưới thời Trần. *Lịch triều hiến chương loại chí* của Phan Huy Chú viết: “Đời Lê sơ, Thái Tổ dựng nước, theo quan chế cũ của nhà Trần, vẫn đặt Ngự sử đài có các chức Thị ngự sử, Trung thừa, Phó Trung thừa, Giám sát ngự sử, Chủ bạ” (5). Riêng chức Giám sát ngự

trường hợp Phan Thiên Tước, Nguyễn Vinh Tích, Đinh Cảnh An, Lưu Phúc Khiêm), Giám sát ngự sử (như trường hợp Nguyễn Chiêu Phủ, Cao Mô, Nguyễn Cư Đạo, Phạm Duy Ninh, Nguyễn Như Đổ, Lương Như Hộc, Đàm Phục Lễ)..

Sau cuộc cải cách hành chính của Lê Thánh Tông, các chức quan thuộc Ngự sử đài được chế đặt rõ ràng hơn về cả chức vụ, phẩm trật và số lượng biên chế. Thông qua việc sửa định quan chế thời Hồng Đức có thể hình dung cơ cấu tổ chức của Ngự sử đài từ thời vua Lê Thánh Tông trở đi như bảng 1.

Bảng 1 cho thấy, từ thời Hồng Đức triều Lê, cơ cấu tổ chức của Ngự sử đài đã trở

Bảng 1: Cơ cấu tổ chức của Ngự sử đài thời vua Lê Thánh Tông

Chức danh	Đô ngự sử	Phó Đô ngự sử	Thiên Đô ngự sử	Chiếu ma	Đề hình Giám sát ngự sử	Giám sát ngự sử 13 đạo	Ngục thừa Sở án ngục Ngự sử đài
Phẩm trật	Chánh tam phẩm	Chánh tứ phẩm	Chánh ngũ phẩm	Tòng bát phẩm	Chánh thất phẩm	Chánh thất phẩm	Chánh cửu phẩm
Biên chế (người)	01	01	01	01	02	26	01

Nguồn: Thiên Nam dư hạ tập (tập X, phần Quan chế) và Lê triều quan chế (6)

sử thì tuy đều tập trung ở kinh đô, song mỗi người có nhiệm vụ phải giám sát các quan ở từng đạo của mình. Bấy giờ có Giám sát ngự sử của năm đạo bao gồm Tây đạo Ngự sử đài, Đông đạo Ngự sử đài, Bắc đạo Ngự sử đài, Nam đạo Ngự sử đài và Hải tây đạo Ngự sử đài.

Từ thời Lê Thái Tổ đến Lê Nghi Dân (1428-1460), các chức danh Ngự sử đài được sử cũ nhắc đến bao gồm: Ngự sử Trung thừa (như trường hợp Phạm Du), Ngự sử Phó Trung thừa (như trường hợp Nguyễn Thiên Hựu), Thị ngự sử (như

nên khá hoàn bị, các chức Đài quan được chế đặt và quy định khá rõ ràng trong bộ máy quan lại triều đình nói chung. Vậy những vị Đài quan này có chức trách và quyền hạn gì?

2. Quyền hạn, chức trách và nghĩa vụ

Lịch triều hiến chương loại chí đã viết về quyền hạn của Ngự sử đài như sau: “Đàn hạch các quan, nói bàn về chính sự hiện thời. Phàm các quan làm trái phép, chính sự hiện thời có thiếu sót, đều được xét hạch trình bày, cùng là xét bàn về thành tích của các nha môn Đề lĩnh, Phủ doãn, Trấn thủ,

Lưu thủ, Thừa ty và xét hỏi các vụ kiện về người quyền quý ở kinh úc hiếp, về người cai quản hà lạm" (7). Theo khảo sát của người viết thì Đài quan thời Lê sơ có những chức trách và quyền hạn cụ thể dưới đây:

2.1. Chức trách và quyền hạn chính

Góp ý và can gián vua sửa sang chính lệnh

Từ thời Lê Thái Tổ, nhà vua đã cho phép các quan giữ chức "ngôn quan" được phép tấu bày, góp ý nếu "thấy trẫm có chính lệnh hà khắc, thuế má nặng nề, hại cho lương dân, thường công phạt tội không đúng, không theo phép xưa..." (8). Vua Thái Tông cũng chiếu dụ cho bá quan nếu thấy việc làm của mình có gì lỗi lầm thì được phép "can gián rõ ràng, giúp đỡ thiếu sót" (9). Tháng 5 năm 1456, vua Lê Nhân Tông tiếp tục ban chiếu răn dạy trăm quan phải cẩn thận làm tròn chức vụ của mình, trong đó yêu cầu: "Các quan ở Ngự sử đài thì nên giúp vua sửa điều lỗi, chữa điều lầm, trừ bỏ điều ác, biểu dương điều thiện..." (10).

Thực tế cho thấy các Đài quan ngự sử là những người đầu tiên giữ trọng trách góp ý, khuyên can vua nếu thấy bản thân nhà vua nói riêng và việc triều chính nói chung có việc gì thiếu sót. Ở phương diện này, các Đài quan thời Lê đã làm khá tốt chức trách của người giữ chức phận "ngôn quan".

Tháng giêng năm 1435, nhận thấy vua Thái Tông có phần mãi chơi, chưa chăm chỉ học hành, phong thái thiết triều chưa nghiêm chỉnh, các ngôn quan là Phan Thiên Tích, Lương Thiêm Phúc, Nguyễn Chiêu Phủ đã chỉ ra 6 điều không nên của nhà vua và khuyên vua nên "lấy dung nghi nghiêm chỉnh của thiên tử mà kính người đại thân, chọn người có công, nghe lời can thẳng" (11). Tuy nhiên, vua Thái Tông bấy giờ còn ở tuổi ham chơi nên có phần vẫn lo

là việc học, hàng ngày thường cùng với bọn hầu cận chơi đùa ở trong cung. Vua lại yêu dùng bọn hoạn quan. Quan Đại tư đồ Lê Sát xin giết đi, vua không nghe nên cáo ốm không vào chầu. Đài quan Phan Thiên Tước tâu rằng: "Các đế vương xưa sợ dĩ thánh đức ngày một thêm lên, chưa có bậc nào là không do học vấn. Huống chi bề hạ đương lúc trẻ, trị đạo của đời xưa nay chưa biết đủ hết, bọn Đại tư đồ Lê Sát chọn lấy nho thần vào hầu bên cạnh vì có ý muốn bề hạ được như vua Nghiêu, vua Thuấn mà thôi, sao bề hạ lại không nghĩ đến tông miếu xã tắc mà trái lòng trung thành của họ, để cho họ lo nghĩ mà không vào chầu" (12). Những lời tâu của các Đài quan có thể được vua nghe theo, cũng có thể vua không nghe nhưng đã là ngôn quan thì không thể không làm tròn nghĩa vụ của bậc bề tôi "giữ chức ăn nói". Các Đài quan thời Lê sơ thường có lời can gián vua trong hai trường hợp: *Một là*, góp ý với vua khi bản thân nhà vua có những khiếm khuyết (trong thói quen, phong thái và cách hành xử); *Hai là*, góp ý với vua nếu các quyết sách của vua chưa được chuẩn mực (trong cách dùng người, cách thưởng phạt triều thần...). Với chức trách như vậy, các Đài quan thời Lê sơ về cơ bản luôn tận tâm phụng sự giúp cho các Hoàng đế nhận ra hạn chế của mình để tu thân, trị quốc.

Đàn hặc (13) sai phạm của quan lại

Trong sắc dụ hiệu định quan chế ngày 26 tháng 9 năm 1471 đã nói rõ chức trách của Ngự sử đài là "chấn chỉnh mọi sai phạm của bách quan, làm rõ mọi ẩn tình của bách tính" (14). Phương diện bao quát thuộc chức trách này của Đài quan khá rộng, trong khuôn khổ bài viết nhỏ này, người viết chỉ nêu mấy phương diện nổi bật sau đây:

+ *Hặc tội các quan lại làm trái phong*

hóa và các quy định của triều đình.

Tháng 12 năm 1434, Ngôn quan là Phan Thiên Tước dâng sớ hạch tội Tiền tổng quản Lê Thụ về các việc: đang có quốc tang mà lấy vợ, làm nhà cửa to, sai người nhà ra côi ngoài mua bán riêng với người nước ngoài. Sau khi sai điều tra xét hỏi thêm, vua nể Thụ là bậc Huân thân nên tha các tội khác cho Thụ, “*chỉ tịch thu số 15 lạng vàng, 100 lạng bạc mua riêng thôi và sắc cho người thiếp của Thụ là Trinh Thị phải rút khỏi hộ tịch cho chuộc lại làm người ngoài*” (15). Một ví dụ khác: tháng giêng năm 1449, quan Điện trung Thị ngự sử đã hạch tâu tham sự triều chính Lê Bí tập nghi thức trái lễ, Thiếu bảo Lê Sao lấn vượt mất thứ tự, Lễ bộ Thượng thư Đào Công Soạn không biết xét tâu lên, đều phải phạt tiền theo các thứ bậc khác nhau (16). Các dẫn chứng này cho thấy thực tế vai trò “*giữ gìn pháp độ*” của các Đài quan thời Lê sơ.

+ *Hạch tội các quan lại lười biếng, tham quyền cố vị.*

Tháng 11 năm 1489, vua sai Đề hình Giám sát ngự sử khám xét quan lại Bộ Hình, người nào lười biếng gian tham, tha hay hoãn tù tội thì làm bản tâu lên, theo luật trị tội. Không chỉ dò xét các quan lại đương chức lười biếng việc công, các Đài quan còn hạch tội một số đại thần tuổi đã già nhưng còn tham quyền cố vị, không chịu trí sĩ (nghỉ hưu) mà vẫn giữ chức, không giúp được ích gì cho triều đình. *Đại Việt sử ký toàn thư* ghi lại sự kiện tháng 4 năm 1449, Đồng tham nghị chính sự là Cao Doãn Cung, Trình Hoàng Nghị, Nguyễn Bá Thanh, Mai Tử Kiệt cùng nghị việc. Nguyên do là bởi: “*Đài quan Lưu Thúc Khiêm và Nguyễn Cư Đạo, Hạch Doãn Cung và Hằng Nghị ở chức chính viện đại thần mà chỉ giữ chức làm vì ăn không, không giúp ích gì, tuổi quá 70, mắt lòa, tai điếc,*

còn tham lộc vị, không có liêm xỉ, hại đến phong hóa nên đều bắt về, các đại thần phải cùng nhau xin từ chức và được vua phê chuẩn” (17).

+ *Hạch tội các quan lại tham ô, lộng quyền, kết bè đảng.*

Có nhiều dẫn chứng cho thấy tình trạng quan lại lộng quyền, kết bè đảng dưới thời Lê sơ không phải là chuyện hi hữu. Trong đó, tiêu biểu nhất là trường hợp của Lê Sát. Bấy giờ, Lê Sát là quan Đại tư đồ, mọi việc làm đều tỏ rõ sự lộng quyền của mình “*tự chuyên giữ quyền bính, ghét người hiền, ghen người tài, giết Nhân Chú để ra oai mình, truất Trịnh Khả để người ta phục, bãi chức tước của Ư Đài khiến triều đình không ai dám nói, đuổi Cẩm Hồ ra nơi biên thùy khiến gián quan đều phải cảm mồm*”. Hành vi của Lê Sát đã bị Đài quan Cảnh An và Lê Vĩnh Tích hạch rằng: “*Lê Sát có chiều muốn chuyên quyền, tội ấy khó dung thứ được*” (18). Lời hạch của các Đài quan đã được vua phê chuẩn. Tháng 6 năm 1437, vua Thái Tông xuống chiếu bãi bỏ chức tước của Đại tư đồ Lê Sát. Một tháng sau vua lại xuống chiếu bắt Lê Sát phải tử ở nhà với tội danh cấu kết bè đảng “*ngâm nuôi bọn sĩ tử, mưu hại người trung lương, mưu kế hiểm狡, dấu tích gian phi ngày một lộ rõ*”. Kéo theo đó, một loạt các quan chức thân thích được coi là bè đảng của Lê Sát như Duy Đặng Đắc, Lê Văn Linh, Lê Lĩnh, Lê Thụ, Lê Ê, Lê Hiêu, Lê Bằng, đều bị trị tội. Trong vụ án Lê Sát, các Đài quan đã có công không nhỏ trong việc dùng cảm đấu tranh với thói lộng quyền, kéo bè kết đảng của các tế thần nhằm lung đoạn triều đình.

Bên cạnh đó, các quan Ngự sử đài thời Lê sơ cũng đấu tranh rất quyết liệt với hiện tượng tham nhũng trong triều đình. Các vua thời Lê đặc biệt dưới thời Lê Thánh

Tông đã ban nhiều sắc dụ về việc giao quyền cho các Đài quan, Giám sát ngự sử trong việc phát hiện và cáo giác những trường hợp tham nhũng. Tháng 5 năm 1481, vua Lê Thánh Tông hạ lệnh cho các quan địa phương khảo xét: *"Người nào trước kia có những lạm, tuy không có hình tích thực nhưng ai ai cũng biết, cùng là người liêm khiết không làm thói tham ô, kê ra từng loại tâu lên cả, giao cho Giám sát ngự sử các đạo xét lại đúng thực làm bản tâu lên, sẽ khu xử để khuyến răn"* (19). Tháng 5, năm 1484, vua Thánh Tông lại có sắc chỉ cho các quan đô đốc phủ, quan 3 ty Đô - Thừa - Hiến trong vòng 3 tháng phải kê khai rõ người nào thanh liêm, kẻ nào tham nhũng để gửi lên cho Ngự sử đài xét lại mà thi hành khu xử.

Ngay cả ở giai đoạn cuối triều Lê sơ (tháng 7 năm 1501), vua Hiến Tông vẫn ban sắc dụ rằng *"quan lại có người nào quả là tham ô những nhiều, gian trá lười biếng, tham tang có bằng chứng đích thực thì gửi cho bộ lại xét thực như lệ trị tội. Quan thừa hiến người nào quả vì ân oán dứt lốt mà kê tâu không công để đến nỗi thiện ác lẫn lộn, công tội không đúng sự thực thì các quan khoa, đài xét thực tâu hạch lên, sẽ giao xét hỏi"* (20). Với chức trách đàn hạch tội tham nhũng của các quan đã được triều đình quy định rõ như vậy, các Đài quan thời Lê sơ đã thu thập bằng chứng và đưa ra ánh sáng nhiều hiện tượng quan lại tham ô, lợi dụng chức quyền để tư lợi. Đơn cử ví dụ sau: Tháng 5 năm 1456, Ngự sử Trung thừa Phạm Du, Phó Trung thừa Trình Văn Huy, Giám sát ngự sử là bọn Trình Xác, Bùi Hựu hạch tâu quản lĩnh quân nghĩa vụ vệ là Nguyễn Nghiênn Thông trong kỳ tập quân năm nay sai quân nhân làm việc tư, còn thì cho về nhà để lấy tiền cho mình, xin trị tội để răn người khác (21).

Việc phát giác và tố cáo kịp thời các hiện tượng tham ô cụ thể như vậy cho thấy các Đài quan thời này đã khá tích cực trong việc phát huy vai trò của mình trong các cơ quan thanh tra, giám sát quan lại thời Lê.

2.2. Chức trách và nghĩa vụ khác

Thẩm xét hình án và "công đồng" thụ lý xử án

Trong các công việc thanh tra, giám sát nói chung thì việc thẩm xét hình án (ở cấp trung ương) cũng là chức trách không kém phần quan trọng của các quan Ngự sử đài. Năm 1437, vua Thái Tông đã có chỉ dụ rằng: *"Phàm người xét án cứ theo điều chỉnh trong luật mà xử án, điều luật và tội danh phải lấy ở hình luật, rồi trình lên các quan đại thần, thái giám, đài quan và năm đạo công đồng xem qua, các quan ấy cho là phải thì sau mới xử đoán"* (22). Chỉ dụ trên đã xác định Ngự sử đài quan là một bộ phận cơ yếu cùng với các cơ quan, bộ phận khác cùng có trách nhiệm thẩm xét hình án. Điều này giúp tránh được các vụ xử kiện bị oan uổng do một vài cá nhân dám lấy sự thiên tư mà xét xử. Với chức năng thẩm xét hình án như vậy, các Đài quan góp phần không nhỏ vào việc chống hiện tượng xử án bừa bãi, gây oan uổng cho nhân dân. Bên cạnh đó, các Đài quan ngự sử còn có nghĩa vụ phối hợp với các cơ quan chức năng khác kiểm tra tiến trình xử án xem có đúng kỳ hạn hay không. Năm 1498, vua Hiến Tông ra sắc dụ quy định rằng: Các việc kiện dù khó xét thì bộ Hình, ty Đình úy và các quan xét kiện vẫn phải cố gắng theo đúng kỳ hạn mà xét xử cho xong, ai dám để chậm quá kỳ hạn thì cuối năm các quan phụ trách cùng Đề hình giám sát ngự sử tâu hạch lên để trị tội. Trường hợp các quan lại này lại vì tình riêng dung túng thì cho đường quan Ngự sử đài và Thể sát xá nhân tiếp tục làm bản tâu lên để trị tội

như luật (23). Mặt khác, nếu trên thực tế có nhiều vụ án bị bỏ đọng do Hình quan làm không xuể thì triều đình sẽ chia bớt cho Đài quan và các bộ phận khác cùng nhau xét xử, giải quyết. Ví dụ, từ năm Nhâm Tý (1445) đến năm Đinh Mão (1447) ở Ngũ hình viện đã có 125 án tồn đọng chưa được xét xử. Thực tế ấy buộc các đại thần phải bàn chia số án bỏ đọng ấy cho các quan ở Ngự sử đài và Ngũ hình viện cùng công đồng đối chiếu xét xử cho chóng xong (24). Như vậy, Đài quan lại phải gánh vác chức trách kiêm nhiệm như là một Hình quan. Chức trách này góp phần làm tăng thêm vị trí quan trọng của các Đài quan ngự sử trong công việc triều chính thời Lê sơ.

Giám sát việc tuyển chọn, khảo hạch quan lại

Việc xét bổ, tuyển thải quan lại thời Lê sơ đặc biệt dưới thời Lê Thánh Tông do nhiều cơ quan cùng phối hợp và chịu trách nhiệm như các ty Thừa - Hiến ở địa phương, Lục bộ, Lục khoa, Ngự sử đài. Trong đó, Ngự sử đài là một trong các cơ quan giữ vai trò quan trọng trong việc giám sát quá trình tuyển chọn quan lại ở cấp trung ương. Nhà nước thời Lê đã nhiều lần ban chỉ dụ quy định rõ trách nhiệm này. Tháng 9 năm 1478, trong ba điều về “*định*

lệnh lựa thải quan viên” thì điều thứ 3 quy định rằng: *Nếu trưởng quan các nha môn xét người hay dở không đúng thực thì sáu khoa, Ngự sử đài và Hiến ty kiểm xét tâu lên trị tội* (25). Tháng giêng năm 1489, vua Thánh Tông lại ra sắc chỉ rằng: Việc bảo cử quan ty ở bộ Hình thì do Lục bộ, hai ty Thừa - Hiến cùng “*công đồng bảo cử*” mà đưa lên, nhưng nếu người nào dám vì tình riêng hay tiền bạc mà bảo cử người không tốt thì Lục khoa và Giám sát ngự sử dò xét được sự thực tâu hạch lên, sẽ theo luật trị tội (26). Đặc biệt, đối với các quan Thừa - Hiến ở địa phương, Đài quan ngự sử có hai chức trách song song: 1. Trực tiếp tham gia khảo khóa các quan Thừa - Hiến các đạo; 2. Kiểm tra giám sát công việc khảo khóa của quan Thừa - Hiến đối với các quan phủ huyện ở cấp dưới (27). Điều này một lần nữa cho thấy trong các cấp thanh tra, giám sát quan lại dưới thời Lê, các Đài quan ngự sử có chức năng giám sát tối cao.

Làm giám khảo các cuộc thi Đình và đi sứ khi được phân công

Ngoài chức năng chính là ngôn quan giữ vai trò thanh tra, giám sát quan lại, các quan Ngự sử đài còn được chỉ định làm các công việc kiêm nhiệm khi nhà vua yêu cầu. Hầu hết trong số các cuộc thi Đình (Điện

Bảng 2: Sự góp mặt của các quan Ngự sử đài trong các lần thi Đình

Đời vua	Kỳ thi năm	Đài quan được cử phụ trách	Trọng trách được phân công
Lê Thánh Tông	Bính Tuất (1466)	Đô ngự sử Trần Bàn	Giám thí
Lê Thánh Tông	Ất Mùi (1475)	Đô ngự sử Trần Phong	(Đồng) Giám thí
Lê Thánh Tông	Canh Tuất (1490)	Phó Đô ngự sử Quách Hữu Nghiêm	Giám thí
Lê Thánh Tông	Quý Sửu (1443)	Phó Đô ngự sử Quách Hữu Nghiêm Phó Đô ngự sử Đàm Văn Lễ	(Đồng) Đề diệu Giám thí
Lê Thánh Tông	Bính Thìn (1496)	Đô ngự sử Quách Hữu Nghiêm Phó Đô ngự sử Đàm Văn Lễ	(Đồng) Đề diệu (Đồng) Giám thí
Lê Hiến Tông	Nhâm Tuất (1502)	Thiêm Đô ngự sử Bùi Xương Trạch	Giám thí
Lê Tương Dực	Tân Mùi (1511)	Đô ngự sử Nguyễn Thi Ung	Độc quyền

Nguồn: *Đại Việt sử ký toàn thư*, Tập 2, Nxb. Văn hóa thông tin, Hà Nội, 2004 (28)

thứ) thời Lê sơ đều có sự tham gia của các Đài quan ở các trọng trách khác nhau do nhà vua chỉ định (như Đề điệu, tức Chánh chủ khảo, Giám thí tức Phó chủ khảo hay Độc quyển, tức Giám khảo độc quyển). Qua *Đại Việt sử kí toàn thư*, người viết bước đầu thống kê sự góp mặt của các quan Ngự sử đài trong các lần thi Đình như bảng 2.

Bên cạnh việc đảm nhiệm các trọng trách trong kỳ thi Đình, các Đài quan thời Lê còn được giao nhiệm vụ đi sứ nhà Minh rất nhiều lần. Các Đài quan được phân công nhiệm vụ của đoàn đi sứ chủ yếu ở các mặt sau: 1 - Mang đồ vật sang tiến cống (như các chuyến đi của Thị ngự sử Nguyễn Thiên Tích năm 1438, của Ngự sử Trung thừa Hà Phủ năm 1447, của Giám sát ngự sử Hoàng Nhạc năm 1507, của Phó Đô ngự sử Đỗ Lý Khiêm và Đề hình Giám sát ngự sử Nguyễn Đức Quang năm 1510); 2 - Sang tạ ơn vua Minh đã sách phong và ban vóc lụa cho các vua Lê (như các chuyến đi của Thị ngự sử Lê Chuyên năm 1452, của Giám sát ngự sử Trần Xác năm 1457, của Đô ngự sử Quách Hữu Nghiêm và Giám sát ngự sử Nguyễn Bình Hòa năm 1502, của Giám sát ngự sử Lê Hiếu năm 1527); 3 - Thay mặt nhà Lê sang thương thảo việc liên quan đến các địa phương (như chuyến đi của Trung thừa Bùi Cẩm Hồ, của Thị ngự sử Triệu Thái năm 1442, của Diện trung Thị ngự sử Trình Ngự năm 1447)... Một số Đài quan khi làm nhiệm vụ đi sứ nhà Minh đã tỏ rõ tài năng ăn nói khôn khéo của mình, được vua Minh khen ngợi và ban thưởng nhiều đồ vật quý, trong đó tiêu biểu là trường hợp của Thái thường tự khanh Đô ngự sử Quách Hữu Nghiêm trong chuyến đi sứ vào năm Nhâm Tuất (1502) (29).

Những cứ liệu trên cho thấy quan Ngự sử đài thời Lê sơ đã đảm nhiệm được nhiều nhiệm vụ trên nhiều cương vị khác nhau

khi được triều đình giao phó. Đó cũng là cơ sở để hiểu thêm vai trò quan trọng không thể thiếu của họ trong bộ máy triều thần thời kỳ này.

3. Thời cuộc và số phận của Đài quan

Khách quan mà nói thì những vinh nhục của chốn quan trường mà các Đài quan ngự sử thời Lê sơ từng nếm trải có lẽ đều xuất phát từ chính chức trách của họ: được nể trọng bởi là người *"giữ gìn phong hóa pháp độ"* trong triều đình và bị giáng bãi cũng bởi sự cương trực của người *"giữ lời nói thẳng"*.

Sử cũ có ghi lại, tuy không nhiều về một vài Đài quan được nhà vua khích lệ, khen thưởng nhờ làm tốt vai trò ngôn quan của mình mà Nguyễn Thiệu là một trường hợp như thế. Năm 1464, vua Lê Thánh Tông có lời dụ Thiêm đô ngự sử Nguyễn Thiệu rằng: *"Người làm bề tôi của ta, hết lòng thành lo việc nước, kính cẩn trách nhiệm, thường dâng lời nói hay, trẫm hoặc có khi ra oai, người chưa từng chịu nhục bốt. Tuy công việc chưa sáng tỏ được gì, kẻ gian nịnh chưa tâu hặc được hết nhưng đại khái cũng đủ đáng khen. Đặc biệt sai Tư lễ giám đem sắc đến dụ và thưởng cho bạc lạng. Mong người cố gắng hơn nữa"* (30). Cũng có trường hợp quan Ngự sử can gián đúng nhưng lại bị vua trách mắng sau đó vua mới nhận mình đã trách sai mà vỗ về, an ủi. Năm 1467, nhân việc xét hỏi tội của Tổng binh Bắc Bình là Lê Hối, Đô ngự sử Trần Xác vì thấy Hối có công nên giao Hối cho Pháp ty xét xử theo luật Bát nghị. Vua Thánh Tông cho rằng, cách nói của Trần Xác chỉ là du thuyết (lấy tài mồm mép mà biện luận), đáng phải trị tội. Nhưng không lâu sau, nhà vua lại dụ Trần Xác rằng: *"Trẫm nói vu cho người là kẻ du thuyết, đó là lỡ lời. Người có mưu mô gì hay nên cứ vào nói, ngõ hầu như mưa mát năm đại hạn, như thuyền chèo đễ qua sông. Phải*

kính theo đây” (31).

Tất nhiên, những trường hợp vua biết nhận sai mà trân trọng ý kiến của Đài quan không nhiều mà ngược lại, nhiều lời hặc tấu của quan Ngự sử đã không được người đứng đầu triều đình nghe theo. Ví dụ, lời tấu của Thị ngự sử Đinh Cảnh An với vua Thái Tông (năm 1437) về việc không nên thăng chức cho Nguyễn Nhữ Soạn vì con người này vốn *“tham ô, ba lần phạm pháp”* đã không được vua nghe theo hay lời can gián của Giám quan Đồng Hành Phát với vua Nhân Tông năm 1449 về việc không nên cho Thúc Huệ - một kẻ chuyên dùng chính lệnh hà khắc, dùng kế lừa dối để chạy tội làm chức Môn hạ hữu nạp ngôn cũng không được Thái hậu (bấy giờ thay vua Nhiếp chính) nghe theo (32)... Những dẫn chứng như trên cho thấy rằng, Đài quan có làm được hết chức trách của mình hay không còn phụ thuộc vào sự anh minh của vua khi mà những ý kiến đưa ra của quan Ngự sử có thể đúng nhưng không được chấp nhận.

Thời thế và vai trò của người đứng đầu triều đình có thể coi là hai yếu tố quan trọng quyết định số phận của Đài quan Ngự sử. Một khi ý kiến của Đài quan và chủ trương của vua và các tế thần không trùng nhau thì rất có thể các Đài quan sẽ phải trả giá vì dám *“nói thẳng, nói thật”*. Nhiều trường hợp Đài quan bị giáng chức hoặc điều chuyển đi công tác ở nơi khác chỉ vì dám động chạm đến những khối quyền lực cao nhất trong triều đình. Ngự sử Bùi Cẩm Hồ là một ví dụ. Tháng 9 năm 1434, vì dám hặc tội và chống đối lại quan Tư đồ Lê Sát nên Bùi Cẩm Hồ đã bị Lê Sát đuổi ra làm An phủ sứ trấn Lạng Sơn, thực chất là để *“khiến giám quan phải cảm ôm”* (33). Một trường hợp khác, Giám sát ngự sử Nam đạo là Lê Ba Tu năm 1467 vì *“dâng sớ nói riết về thiếu sót sai lầm của chính sự bấy giờ, trái ý vua”* nên bị

điều đi làm Tri châu ở phủ Bắc Bình (nay thuộc tỉnh Cao Bằng) (34).

Thuyên chuyển công tác có lẽ là một biện pháp mà những người đứng đầu triều đình nhằm hạn chế sự phiền phức với sự can gián của các Đài quan. Bên cạnh đó, việc tạo áp lực để buộc Đài quan phải từ chức vì dám tấu hặc trái ý mình cũng là cách mà vua thường làm. Con đường hoạn lộ của Đài quan vì thế mà cũng chịu sự thăng giáng thất thường theo ý của vua. Sử cũ đã ghi lại không ít những trường hợp như vậy. Năm 1434, Ngự sử Phó tướng Trung thừa là Nguyễn Thiên Hựu vì nói việc trái ý vua nên phải trút mũ quan từ chức; Năm 1448, Giám sát ngự sử là Cao Mô bị miễn chức và phải trở về làm thuộc viên ở Trung thư như cũ chỉ vì dám dâng sớ can ngăn trái ý Thái hậu (35)...

Không chỉ bị biếm, giáng chức hay bãi chức, nhiều Đài quan thời Lê sơ còn bị tống giam hay mất cả mạng sống của mình chỉ vì quá cương trực, không chịu khuất phục trước cường quyền. Tháng 6 năm 1506, Đô ngự sử đài Nguyễn Quang Bật cùng với Thượng thư Lễ bộ Đàm Văn Lễ đã bị vua Uy Mục điều vào Quảng Nam rồi sai người đuổi theo bắt phải trảm mình tự tử vì trước đó không chịu giúp vua tranh ngôi với Túc Tông khi vua Hiến Tông qua đời; Năm 1518, cũng vì dám can ngăn chủ trương của Mạc Đăng Dung mà cả Đô ngự sử Đỗ Nhạc và Phó Đô ngự sử Nguyễn Dự đều bị Đăng Dung giết chết (36).

Những dẫn chứng trong sử cũ cho thấy số phận của Đài quan thực sự mong manh. Họ là công cụ đắc lực giúp cho triều đình thi hành sự thống trị của mình đối với thiên hạ nhưng khi công cụ ấy đi ngược lại với lợi ích hay ý đồ chính trị của giới cầm quyền thì họ lại biến thành con bài thí mạng. Đó có thể xem là bi kịch của các Đài

quan ngự sử thời Lê sơ.

4. Đóng góp và hạn chế của Đài quan thời Lê sơ

4.1. Những mặt tích cực

Đài quan là bộ phận quan trọng nhất trong số các cơ quan có chức năng thanh tra, giám sát quan lại để giữ gìn trật tự triều chính thời Lê sơ. Nhờ sự can gián hết lòng của Ngự sử đài quan đối với vua mà ít nhiều chính lệnh sai trái của triều đình được thu lại, bản thân nhà vua cũng nhờ đó mà tự thấy cần phải sửa mình để trị thiên hạ. Trong triều đình, các Đài quan ngự sử được coi là những phán quan đáng sợ đối với bọn quan lại chuyên tham ô, đục khoét của dân, bọn tể thần lộng đảng tham quyền cố vị, bọn lại mục bất tài nhưng quen thói gian nịnh mà được bảo cử, thăng tiến... Sự hiện diện của Đài quan thời Lê sơ đã phần nào giúp cho kỷ cương triều chính được ổn định, phong hóa pháp độ qua các giai đoạn được duy trì. Nhiều vị trong số các Đài quan thời Lê sơ đã nêu tấm gương sáng về sự chính trực, ngay thẳng, không dè dặt quyền thế, thậm chí còn chấp nhận đánh đổi cả con đường hoạn lộ cũng như sinh mạng của bản thân để làm tròn chức trách của mình, bảo vệ đến cùng quan điểm của ngôn quan đúng như lời Ngự sử Trung thừa Phạm Du từng tâu với vua Nhân Tông: *"Bọn chúng tôi làm dự chức ngôn quan, không thể kiêng sợ người quyền thế, cũng không im lặng không nói, đúng như lời bệ hạ đã dạy"* (37). Không chỉ làm nhiệm vụ thanh trừ, uốn nắn những điều sai trái của quan lại để giữ gìn kỷ cương pháp luật, các Đài quan thời Lê sơ còn thường xuyên khuyên can nhà vua hãy nghĩ đến muôn dân trăm họ trong việc chế định các quyết sách của triều đình. Tháng 9 năm 1435, triều đình bàn về việc cấp ruộng, giảm ngạch thuế. Chủ trương ban

dầu đưa ra là: Người ở đất bãi trồng dâu không có ruộng cấy lúa, quân thì cấp cho 5 sào, dân cấp cho 4 sào làm sản nghiệp thường, miễn thuế, nhưng không cấp cho người không vợ và góa chồng. Đài quan là Phan Thiên Tước đã thẳng thắn can gián: *"Những người không vợ, góa chồng, chính sách của vương giả vẫn chiếu cố, nay ban ơn cho quân dân mà hạng kia không được dự thế thì họ không phải là dân của vua ư?"*. Lời nói ấy mặc dù không được Đại tư đồ Lê Sát ủng hộ nhưng nhờ thái độ tranh luận cương trực của Phan Thiên Tước mà cuối cùng vua Thái Tông đã phê chuẩn cho những người không vợ, góa chồng được miễn tô 3 sào (38). Mặc dù sử cũ không ghi lại nhiều những ví dụ như vậy nhưng cũng đủ thấy rằng, tinh thần đấu tranh vô tư lợi vì lẽ phải và hướng đến lợi ích của muôn dân là phẩm chất đáng quý của đại bộ phận các quan Ngự sử đài thời Lê sơ.

4.2. Những mặt hạn chế

Tất nhiên, ngoại trừ đại đa số những người cương trực luôn làm hết chức trách của mình vì nước vì dân thì vẫn còn một bộ phận thiểu số những Đài quan làm việc còn thiếu trách nhiệm, không có được phẩm chất của người giữ lời nói mà giữ gìn kỷ cương của triều đình. *Đại Việt sử ký toàn thư* chép rằng: Năm 1448, biên giới phía đông có tin đồn rằng nước Minh sai sứ sang hội khám địa giới. Vua Nhân Tông sai người đi dò xét hư thực, các quan lại nhân dịp ấy đua nhau nói dối vua để trục lợi tiền của, Đài quan là bọn Hà Lật biết rõ nhưng lại *"vào hùa với nhau, không tâu hặc lên"*. Cũng vẫn là Đài quan Hà Lật vì có ý thù hằn riêng với hai viên đại phu của Ty tể tướng hình là Lê Bá Viễn và Phạm Phúc nên đã lạm dụng chức quyền mà tấu hặc bừa tội của họ, khiến hai người này đều bị bãi chức (39).

Nếu Hà Lật là trường hợp tiêu biểu minh chứng cho trường hợp Đài quan vào hòa với bọn tham quan, lợi dụng việc công để trả thù tư thi Đồng Hanh Phát, Lê Lâm lại tiêu biểu cho hiện tượng Đài quan e sợ quyền uy, chỉ lo giữ mình mà không dám đấu tranh với những điều sai trái của bọn quyền thần. Tháng 11 năm 1448, Thái úy Lê Thụ nhân việc con trai mình kết hôn cùng Vệ quốc trưởng công chúa đã nhận hối lộ bữa bái, Đài quan Đồng Hanh Phát trước còn đem việc ấy tâu lên, nhưng sau thấy Lê Thụ vẫn chứng nào tật ấy thì *"Hanh Phát không đề cập đến việc đó nữa, rồi lại đem đồ lễ đến nhà Lê Thụ và nói xin lỗi. Những người thức giả đều chê cười Hanh Phát"* (40). Không xu nịnh như Đồng Hanh Phát nhưng Giám quan Lê Lâm thì lại tỏ rõ sự sợ hãi trước uy quyền. Tháng 11 năm 1449, Lê Quán Chi - con trai của Đại đô đốc Lê Khuyển ban đêm họp nhau đánh giết người ở giữa kinh đô. Vụ việc bị phát giác, Quán Chi cùng hơn 10 người khác là nội quan và con trai của những người có chức trách bị hạ ngục. Khi án sắp xử xong thì Thái hậu can thiệp, buông lỏng pháp luật mà tha cho Quán Chi và chui thu tiền đền mạng. Trước hiện tượng đó, *"các quan trong Ngự sử đài là bọn Lê Lâm không dám nói"* càng khiến dân tình thêm bất bình, thậm chí những đứa trẻ con ở kinh đô còn mỉa mai nói rằng: *"Tôi chỉ giận mình không được làm ngự sử!"* (41).

Bên cạnh những Đài quan xu nịnh, nhược hèn như vậy còn phải kể đến một vài trường hợp các Đài quan cố ý làm trái pháp luật khác như: Giám sát ngự sử Quán Công Thiêm (phạm tội dung túng kẻ đưa hối lộ), Đô ngự sử Trần Xác (phạm tội bảo cử người bậy) (42)... Những hiện tượng kể trên phần nào đã làm mất đi hình ảnh và phẩm chất ngay thẳng, liêm khiết, chí công vô tư vốn có của chức quan Ngự sử, mặc dù về mặt

khách quan, những hiện tượng tiêu cực như vậy không đại diện cho bộ mặt chung khi chúng ta đánh giá về vai trò và cống hiến của các Đài quan thời kỳ này.

*

Trong hệ thống các quan lại giữ chức trách là Ngôn quan thời Lê sơ, các Đài quan ngự sử là bộ phận giữ trọng trách cao nhất trong việc can gián vua, hặc tội bá quan, thanh tra giám sát các công việc trong triều đình nhằm giữ gìn kỷ cương phép nước.

Xuất thân là những người có tài năng, thanh liêm, cương trực và được tuyển chọn khá kỹ, các Đài quan thời Lê sơ về cơ bản đều làm tốt chức trách của mình để không phụ sự ủy thác của vua, sự tín nhiệm của quần thần. Song, bên cạnh nhiều tấm gương sáng về cốt cách và bản lĩnh của các Ngự sử đài quan như Phan Thiên Tước, Bùi Cẩm Hồ, Phạm Du, Quách Hữu Nghiêm, Nguyễn Thiện, Nguyễn Quang Bật... thì vẫn còn một số Đài quan chưa làm tròn chức trách của mình, thậm chí còn a dua, vào hòa với bọn tham quan nghịch thần để bao che ăn hối lộ hoặc không dám đấu tranh với những hiện tượng sai trái vì e sợ uy quyền. Tính hai mặt của hiện tượng này do nhiều nguyên nhân tạo nên, song sự hưng suy của thời cuộc và sự anh minh hay ngu muội của người đứng đầu triều đình có lẽ là hai yếu tố khách quan đặc biệt quan trọng. Điều này sẽ dễ hiểu hơn khi nhìn vào quá trình phát triển của thời Lê sơ chúng ta sẽ thấy rằng: thời kỳ Thái Tổ và Thái Tông về cơ bản các Đài quan làm được khá nhiều việc có ích với chức trách là ngôn quan (như trường hợp Bùi Cẩm Hồ, Phan Thiên Tước, Nguyễn Vĩnh Tích) nhưng đến thời Nhân Tông do tình hình triều chính chưa ổn định (vua còn nhỏ, Thái hậu buông rèm nhiếp chính chưa thật anh minh, ngoại thích tham quyền) nên nhiều Đài

quan đã tự đánh mất chính kiến của mình thể hiện tư tưởng a dua “*tát nước theo mưa*” (như trường hợp Hà Lạt, Đồng Hành Phát, Lê Lâm) (43). Đến thời Lê Thánh Tông, nhờ chính sách trị nước của vua có nhiều cải cách, kỷ cương triều chính được thắt chặt nên các Đài quan cũng theo đó mà phải cố gắng làm hết chức phận của mình. Nhưng rồi sự đổ nát chính sự qua các đời Túc Tông, Uy Mục, Tương Dực sau đó lại khiến cho Đài quan mất đi giá trị, tiếng nói của mình trong các công việc của triều đình, thậm chí nhiều người còn bị

giết hại chỉ vì dám đi ngược lại các ý đồ của vua hay bợn tể thân (như trường hợp Nguyễn Quang Bật, Đỗ Nhạc, Nguyễn Dụ). Số phận của các quan Ngự sử đài thời Lê sơ âu cũng được tạo nên bởi thời cuộc và chịu ảnh hưởng sâu sắc của thời cuộc. Vì vậy, xem xét và đánh giá các Đài quan thời kỳ này, ngoài việc lấy yếu tố chủ quan là tài năng và nhân cách của họ làm trọng, còn cần thiết phải đặt họ trong bối cảnh lịch sử ở từng giai đoạn cầm quyền của mỗi vị vua thời Lê để có được cái nhìn khách quan hơn.

CHÚ THÍCH

(1). Các Đài quan Ngự sử còn được gọi là Quan phong hiến (ý chỉ là người giữ gìn phong hóa pháp độ của triều đình) hoặc cũng có thể gọi là Ngôn quan (ý chỉ chức năng chính của Ngự sử là chức quan “giữ lời nói” - tấu và hặc).

(2), (4), (10). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1998, tr. 560, 569, 461.

(3). Vì rất coi trọng bản lĩnh của chức quan Ngự sử nên triều Lê sơ từng bổ nhiệm nhiều chức danh Đài quan trong đó phẩm chất cương trực, thẳng thắn là yếu tố được ưu tiên hàng đầu. Ví dụ: Tháng 11 năm 1437, viên Chuyển vận huyện Thạch Thất là Trần Hiến được lấy làm Thị ngự sử. Lý do thăng chức được người tiến cử là Trung thừa Bùi Cầm Hổ giải thích rằng: “*Hiến không nề người quyền thế, có thể làm chức phong hiến* [tức chức quan Ngự sử - TG chú] *được*”. Xem: Ngô Sỹ Liên và các sử thần Hậu Lê, *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập 2, Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 2004, tr. 173.

(5), (7). Phan Huy Chú, *Lịch triều hiến chương loại chí*, Tập 1, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2008, tr. 556, 585.

(6). Về chức danh, phẩm trật cũng như số lượng biên chế các quan Ngự sử đài trong *Thiên Nam dư hạ tập* (Tập X, phần Quan chế) và sách *Lê triều quan chế* có sự ghi chép không thống nhất. Chỉ riêng

trong sách *Lê triều quan chế*, việc ghi chép phẩm trật và chức danh các Đài quan ở Quyển 1 và Quyển 4 cũng có sự bất nhất. Xin xem cụ thể trong: Nguyễn Ngọc Nhuận (chủ biên), *Một số văn bản điển chế pháp luật Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, Tập 1 (2006) và Tập 2 (2009). Số liệu công bố trong bảng biểu trên người viết chủ yếu dựa theo *Thiên Nam dư hạ tập* (Tập X, Phần Quan chế).

(8), (9), (11), (12). Ngô Sỹ Liên và các sử thần Hậu Lê, *Đại Việt sử ký toàn thư*, Tập 2, sdd, tr. 100, 180, 141, 147-148.

(13). Thông thường nói tới chức trách của các quan Ngự sử đài, người ta hay nói tới hai chữ “*đàn hặc*”. Theo *Từ điển Hán Việt*, “*đàn hặc*” được hiểu là hặc tội (người khác). Còn nếu người làm quan có lỗi, tự thú tội mình thì gọi là *tự hặc*.

(14). *Thiên Nam dư hạ tập*, Tập 9 (bản dịch) in trong: Nguyễn Ngọc Nhuận (chủ biên), *Một số văn bản điển chế và pháp luật Việt Nam*, Tập 1, sdd, tr. 367.

(15), (16), (17), (18), (19), (20), (21), (22), (23), (24), (25), (26), (27), (30). Ngô Sỹ Liên và các sử thần Hậu Lê, *Đại Việt sử ký toàn thư*, Tập 2, sdd, tr. 138, 209, 219, 165-166, 380, 476, 232, 170, 452-453, 196, 362, 415, 476, 262.

(Xem tiếp trang 74)

ấn hành), chắc chắn sẽ góp thêm tiếng nói, một cách nhìn, một tấm lòng của học giả quốc tế về Đô thị cổ Hội An.

Hội An đang chuyển mình cùng với những phát triển chung của đất nước. Hệ thống bảo tàng, các công trình kiến trúc, di tích lịch sử - văn hóa phong phú của đô thị cổ đã và đang tự nói lên những giá trị đích thực của mình. Bốn thế kỷ đã trôi qua nhưng người ta vẫn nói về chiều sâu của một khu phố cổ với biết bao di sản văn hóa chứa đựng trong lòng đất, về nhịp sống của cư dân vùng cửa sông Thu Bồn, huyền thoại về Cù Lao Chàm, về làng nghề đóng ghe bầu Kim Bồng, làng gốm Thanh Hà, về chùa Non Nước, dinh trấn Thanh Chiêm và những con người Phố Hội nghĩa tình, sâu sắc... Tất cả là những minh chứng sinh động về một cảng thị, một vùng đô hội. Ở đó, một thời từng là điểm đến, một chốn đi

về của biết bao nhà thám hiểm, truyền giáo, thương nhân và các đoàn thuyền buôn châu Á, châu Âu.

Hiển nhiên, cũng như các công trình nghiên cứu khác, ở một số điểm trong nội dung cuốn sách *Nghiên cứu đô thị cổ Hội An - Từ quan điểm khảo cổ học lịch sử* chúng ta vẫn có thể góp thêm ý kiến với tác giả, vẫn thấy cần phải bổ sung, cập nhật thêm một số thông tin, phát hiện khoa học mới và có thể luận bàn với tinh thần hợp tác, đồng nghiệp.

Là người nhiều năm cùng làm việc, cộng tác với tác giả, tôi xin được có đôi dòng bày tỏ một vài cảm nhận, suy nghĩ nhân dịp đọc cuốn sách *"Nghiên cứu đô thị cổ Hội An"* và trân trọng giới thiệu với các nhà nghiên cứu cùng bạn đọc gần xa công trình khảo cứu giá trị, sâu sắc về học thuật của chuyên gia khảo cổ học lịch sử Nhật Bản Kikuchi Seiichi.

ĐÀI QUAN THỜI LÊ SỬ

(Tiếp theo trang 44)

(28). Ngô Sỹ Liên và các sử thần Hậu Lê, *Đại Việt sử ký toàn thư*, Tập 2, sdd, tr. 270, 350, 418, 424, 428, 481, 526.

(29). Xem: Ngô Sỹ Liên và các sử thần Hậu Lê, *Đại Việt sử ký toàn thư*, Tập 2, sdd, tr. 483-485, 487.

(31). Ngô Sỹ Liên và các sử thần Hậu Lê, *Đại Việt sử ký toàn thư*, Tập 2, sdd, tr. 299 - 300. Sách *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* (bản dịch Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1998, tr. 498) chép tên Đô ngự sử Trần Xác là Trần Thốc. Ở đây lấy tên theo ghi chép trong *Đại Việt sử ký toàn thư*.

(32). Xem: Ngô Sỹ Liên và các sử thần Hậu Lê, *Đại Việt sử ký toàn thư*, Tập 2, sdd, tr. 164, 216-217.

(33). Ngô Sỹ Liên và các sử thần Hậu Lê, *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập 2, sdd, tr. 166-167. Mãi đến năm 1437 khi Lê Sát và phe cánh bị bãi chức, xử tội thì Bùi Cầm Hổ mới được vua cho phục chức làm Ngự sử trung thừa.

(34), (35), (36), (37), (38), (39). Ngô Sỹ Liên và các sử thần Hậu Lê, *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập 2, sdd, tr. 303-304; 133, 202; 498, 574; 227; 150-151; 194, 201.

(40), (41). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, sdd, tr. 451, 457.

(42). Xem: Ngô Sỹ Liên và các sử thần Hậu Lê, *Đại Việt sử ký toàn thư*, Tập 2, sdd, tr. 276, 290.

(43). Lời dụ của vua Lê Thánh Tông với Thiêm Đô ngự sử Đào Tuấn (năm 1466) giúp chúng ta hình dung rõ hơn về tình hình các quan Ngự sử đài dưới thời Lê Nhân Tông như sau: *"Khoảng năm Thái Hòa, Diên Ninh, chức Ngự sử không ở người họ ngoại thì ở người quyền thần, vì thế công luận lộn bậy, không phân biệt là ngựa hay hươu [ý nói không phân biệt hay dở - TG chú], hại cho việc nước, không lúc nào tẻ bằng lúc ấy"*. Xem: Ngô Sỹ Liên và các sử thần Hậu Lê, *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập 2, sdd, tr.274.